

TÌM HIỂU VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG Ở HÀN QUỐC.

NGUYỄN THỊ NGỌC*

Thực tế cho thấy vấn đề môi trường hiện nay không chỉ đơn giản là sự ô nhiễm môi trường tự nhiên, mà còn là vấn đề có liên quan đến việc phá vỡ các quy luật thời tiết và hệ sinh thái của trái đất. Mặc dù mọi người đều nhận thấy tính nghiêm trọng của vấn đề song vẫn thiếu vắng những biện pháp đối phó với những hậu quả do khủng hoảng môi trường gây ra.

Loài người đã tác động đến hệ sinh thái từ thời điểm họ bắt đầu định cư trên trái đất thông qua các hoạt động sản xuất và tiêu dùng. Tuy nhiên, sự bùng nổ dân số, sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ tiến trình đô thị hoá và công nghiệp hoá trong 200 năm qua đã tác động rất lớn đến môi trường sinh thái trên các góc độ khác nhau. Xã hội công nghiệp gắn chặt với sản xuất hàng loạt, phân phối, tiêu dùng và rác thải đã dẫn đến gia tăng rất lớn việc tiêu thụ các nguồn tài nguyên thiên nhiên đồng thời tạo ra ô nhiễm môi trường trên một phạm vi rộng lớn và trên thực tế đã đạt đến mức khủng hoảng do thải ra các chất gây ô nhiễm nhiều hơn số lượng được xử lý. Từ cuối thế kỷ 20 và những năm đầu thế kỷ 21, hơn bao giờ hết mọi người lo lắng về khả năng bảo tồn cũng như duy trì mức giới hạn có thể chịu đựng của hệ sinh thái, ngày càng có những tiếng nói kêu gọi sự quan tâm toàn cầu tập trung vào những vấn đề môi trường và các biện pháp giải quyết phù hợp.

Mặc dù khủng hoảng môi trường đã trở thành vấn đề bức xúc trên phạm vi toàn thế giới, song do khác biệt về cơ sở kinh tế, văn hoá, chính trị, lịch sử, nhất là

khác biệt về điều kiện sinh thái tự nhiên nên nhận thức và những phản hồi trước tình hình khủng hoảng này của các quốc gia khác nhau.

Trên cơ sở cách tiếp cận này chúng ta sẽ xem xét vấn đề môi trường ở Hàn Quốc. Rõ ràng, Hàn Quốc đã có mức tăng trưởng kinh tế cao trong nửa thế kỷ qua và quốc gia này cũng gặp phải những vấn đề môi trường nổi cộm

1. Ô nhiễm môi trường từ sản xuất công nghiệp.

Kể từ những năm 1960, Chính phủ Hàn Quốc đã tiến hành một chính sách kinh tế tập trung cho tăng trưởng kinh tế nhanh dựa trên một "cơ cấu công nghiệp khối bụi".

Trong điều kiện kinh tế còn khó khăn, chính quyền Park Chung Hee tập trung vào phát triển các tổ hợp công nghiệp với các khoản cho vay lấy từ các nguồn nước ngoài trong nỗ lực thực hiện chính sách tăng trưởng kinh tế dựa trên định hướng xuất khẩu và coi đây là căn cứ để tiến hành công nghiệp hoá. Từ tháng giêng 1962, chính phủ nước này bắt đầu phát triển những khu vực công nghiệp và xây dựng các thành phố công nghiệp tập trung. Việc hoàn thành Tổ hợp công nghệ Ulsan đã đánh dấu sự trưởng thành của lĩnh vực công nghiệp nặng và hoá chất của Hàn Quốc. Tuy nhiên, Công ty nhôm Hàn Quốc và công ty phân bón Hàn Quốc bắt đầu hoạt động từ giữa năm 1966 và 1969 đã gây tác hại nghiêm trọng đến ngành nông nghiệp ở những khu vực họ vận hành. Tuy vậy, với chính sách ưu tiên tăng trưởng kinh tế của Chính phủ, các chất thải gây ô nhiễm từ ống khói được xem là dấu hiệu thành

* Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

công kinh tế. Và thời kỳ đó người ta chưa quan tâm và chưa thấy được hậu quả đối với môi trường của những thành công trong phát triển kinh tế theo mô hình này.

Trong những năm 1970, Chính phủ Hàn Quốc bắt đầu tăng cường công nghiệp hoá, chú trọng hơn nữa vào các ngành công nghiệp nặng và hoá chất. Hoạt động sản xuất của những ngành này làm trầm trọng thêm tình trạng ô nhiễm môi trường và thúc đẩy người ta quan tâm quản lý các vấn đề môi trường.

Trong khi Chính phủ Hàn Quốc đẩy nhanh xây dựng ngành công nghiệp nặng và hoá chất trong nước thì các nước tiên tiến phương Tây lại tìm cách đưa những ngành sản xuất này sang các quốc gia thuộc thế giới thứ ba. Trong bối cảnh đó, các tổ hợp công nghiệp và chính phủ đã khuyến khích các công ty kinh doanh trong ngành công nghiệp nặng và hoá chất tiếp nhận đầu tư nước ngoài vào Hàn Quốc và kết quả là ngành công nghiệp đã tiêu thụ một khối lượng than tăng sáu lần, và mức tiêu dùng dầu thô và điện tăng gấp 5 lần so với trước đó. Đồng thời chất lượng nước của bốn con sông lớn ở Hàn Quốc đã suy giảm nghiêm trọng.

Thêm vào đó, sự phát triển của khu vực bờ biển phía tây vào cuối những năm 1980, bắt đầu tác động đến hệ sinh thái của khu vực này. Đó là hậu quả của việc xây dựng các tổ hợp công nghiệp ở Vịnh Asan, khu vực Gunsan, Janghang và Mokpo. Đáng chú ý là việc thực thi Luật phát triển công nghiệp khu vực cho phép xây dựng các tổ hợp công nghiệp khu vực, được coi là một trong những nhân tố chính gây ra sự lan rộng ô nhiễm môi trường trên khắp đất nước. Ngoài ra, các đạo luật nhằm nâng cao đời sống các cộng đồng nông, ngư nghiệp (1984) bằng cách cung cấp cho nông dân và ngư dân cơ hội có thêm thu nhập cùng với việc các tổ hợp công nông nghiệp được xây dựng trên toàn quốc, đã làm tăng thêm ô

nhiễm môi trường khi các tổ hợp công nông nghiệp bắt đầu xây dựng trên toàn quốc. Năm 2001, 296 tổ hợp công-nông nghiệp như vậy đã được xây dựng ở 121 thành phố và làng mạc. Các dự án phát triển các tổ hợp này đã không xem xét đúng mức hậu quả của môi trường. Số liệu thống kê của Bộ Môi trường năm 2000 cho thấy 64% các nhà máy xử lý rác thải ở những tổ hợp công nông nghiệp này không được vận hành đúng quy trình.

2. Ô nhiễm môi trường từ sản xuất nông nghiệp:

Như đã nói ở trên, hoạt động sản xuất lấy cung làm trung tâm của ngành nông nghiệp đã góp phần gây ra các vấn đề môi trường nghiêm trọng. Ngay từ nửa cuối những năm 1970, nhằm thích ứng với tiến trình công nghiệp hoá nhanh và quá trình di dân từ nông thôn ra thành thị, Chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện chính sách nông nghiệp trọng cung để gia tăng sản lượng. Tình trạng các hệ sinh thái ở các cộng đồng trang trại bắt đầu xấu đi khi các dự án thủy lợi và điều chỉnh đất canh tác được tiến hành nhằm làm tăng giá trị sản xuất nông nghiệp. Hơn nữa, điều này kết hợp với gia tăng sử dụng sợi hoá chất tổng hợp và gieo trồng những giống lúa lai mới trong nỗ lực tăng sản lượng cây nông nghiệp đã xâm hại nghiêm trọng đến hệ sinh thái nông nghiệp và nông thôn. Những giống lai mới này được áp dụng để tăng năng suất đã làm biến đổi cơ cấu mùa vụ và đất đai làm xuất hiện các loài côn trùng gây hại lạ, buộc người nông dân dùng phân bón hoá học và thuốc trừ sâu nhiều hơn, do đó làm suy thoái đất và ô nhiễm nước. Việc tăng sử dụng phân hoá học và thuốc trừ sâu cũng làm tăng tính axit và phá huỷ thành phần hữu cơ của đất, do đó, làm tổn hại chức năng tự nhiên của đất trong việc tạo thuận lợi cho tuần hoàn không khí và hấp thụ nước. Đồng thời, lượng phân hoá học và thuốc trừ sâu gia

tăng đổ vào kênh rạch và sông hồ, dẫn đến ô nhiễm nước nghiêm trọng.

Trong khi đó, khi thu nhập quốc dân tăng đáng kể trong những năm 1980, lượng tiêu dùng nội địa thịt và sản phẩm thịt tăng vọt. Kết quả là, có sự gia tăng lớn về số hộ gia đình có vật thú nuôi trong nhà cũng như số vật nuôi trên mỗi hộ gia đình. Như vậy, sự gia tăng đột ngột chất thải động vật và nước thải vật nuôi tất yếu làm tăng ô nhiễm sông ngòi. Kể từ thập niên 1990, Chính phủ Hàn Quốc tìm cách giảm lượng nước thải từ vật nuôi, nhưng đây là một cuộc chiến đấu gay go, vì khoảng 30% nước thải này bắt nguồn từ các hộ nuôi động vật quy mô nhỏ không báo cáo lên chính phủ hoặc không có giấy phép. Ngoài ra, sự canh tác theo phương pháp nhà kính như một biện pháp cải thiện thu nhập của người nông dân, đã dẫn đến gia tăng tiêu dùng nhiên liệu hoá thạch cũng như rác thải nhựa dẻo tăng lên, do vậy dẫn đến trầm trọng thêm ô nhiễm không khí và thoái hoá đất.

Như đã biết, trong quá khứ, khi Hàn Quốc bị thiếu hụt thực phẩm, một trong những biện pháp quan trọng được chính phủ nước này sử dụng để gia tăng sản xuất thực phẩm là khai hoang đất. Luật khai hoang năm 1962, cho phép tiến hành các dự án khai hoang, trong nỗ lực mở rộng diện tích đất canh tác. Bên cạnh đó, Luật phát triển tổ hợp công nghiệp năm 1973, cho phép các dự án khai hoang nhằm mục đích công nghiệp và không cần có một giấy phép đặc biệt. Từ đây, những dự án khai hoang nhằm cung cấp các đất công nghiệp và đất nông nghiệp được xúc tiến mạnh. Ví dụ: Dự án Khai hoang Seosan, do công ty xây dựng Hyundai tiến hành, và Dự án Khai hoang Gimpo thực hiện bởi công ty xây dựng Dong - Ah trong thập kỷ 1980. Những dự án khai hoang này trên thực tế đã gây ra những tác động xấu đến hệ sinh thái. Khu

vực bờ biển là nơi hệ sinh thái đất và biển gặp nhau, do giàu tính đa dạng sinh học và tầm quan trọng trong sinh thái của những khu vực này, việc chuyển vùng đất ở vùng lưu vực và bên cạnh bờ biển thành khu đất được khai hoang đã có ảnh hưởng lớn đến hệ sinh thái tự nhiên nhiều hơn so với các dự án phát triển thông thường.

Dự án hồ chứa nước Sihwaho là một ví dụ về tổn hại môi trường mở rộng có thể bắt nguồn từ một nỗ lực khai hoang được quản lý không đúng. Dự án Sihwaho bắt đầu năm 1984, do chính phủ tài trợ là một phương tiện tạo động lực khởi điểm cất cánh cho ngành xây dựng trong nước, bằng cách sử dụng thiết bị xây dựng và nhân lực trở về từ Trung Đông. Một diện tích rộng lớn hơn 100 triệu m² của khu vực Sihwaho phụ thuộc vào công trường cải tạo mà không có đánh giá tác động môi trường cơ bản được tiến hành. Cuối cùng, Chính phủ Hàn Quốc đã lãng phí 800 tỷ won, khoản tiền người dân nộp thuế trong 16 năm. Dự án kể từ đó bị vứt bỏ, chỉ còn để lại 200 triệu tấn bùn bị nhiễm bẩn ⁽¹⁾.

Dường như sự thất bại của dự án Sihwaho không được coi là bài học đối với Dự án khai hoang Saemageum. Dự án Saemageum, một trong những con bài tranh cử của ứng cử viên tổng thống Roh Tae Woo (1987), được xây dựng để đáp lại sự ủng hộ của cử tri Honam, và được sự ủng hộ mạnh mẽ của Kim Dae Jung, nhà lãnh đạo đảng đối lập chính. Bắt đầu hoạt động năm 1991, dự án Saemangeum tiếp tục được coi là con bài tranh cử tổng thống của tất cả đảng phái chính trị giữa năm 1997 - 2002. Tuy nhiên, dự án bây giờ rơi vào tình trạng chờ phán quyết do những tranh cãi về lợi ích và chi phí của nó, trong khi để hệ sinh thái bị tổn hại sau khi tiêu hàng đồng tiền người dân

⁽¹⁾ Dẫn theo Jeong Gyn - ho, 2003

đóng thuế. Do sự suy thoái hệ sinh thái gia tăng bởi các dự án khai hoang, Bộ Môi trường nước này từ cuối năm 2002 ban hành một quy định áp dụng mức phí đối với dự án khai hoang bất kỳ để tạo ra quỹ bảo vệ hệ sinh thái.

Chính sách phát triển quỹ đất cận nông nghiệp cũng được coi là một thủ phạm tác động xấu đến hệ sinh thái⁽²⁾. Theo kế hoạch kinh tế năm năm hoạch định bởi chính quyền Kim Young Sam, Luật về Sử dụng và Quản lý Đất đai được sửa đổi, đất cận nông nghiệp được tính là một loại đất đai mới để tăng nguồn cung đất cho phát triển kinh tế. Khu vực đất được coi là đất cận nông nghiệp, bao gồm các vùng đất ngoài khu vực phát triển nông nghiệp và "Khu rừng nhân tạo", loại đất này chiếm gấp 900 lần diện tích Yeoido, hay chiếm 26,4% tổng diện tích đất đai của Hàn Quốc.

Vấn đề là, vì những khu đất cận nông nghiệp này được coi là khu vực phi đô thị theo hệ thống quản lý đất toàn quốc, nên không thuộc vào phạm vi điều chỉnh của chính phủ. Bởi vậy, chính quyền, các nhà kinh doanh và chủ sở hữu đất địa phương có thể chuyển loại đất này thành loại đất cận đô thị và tiến hành xây dựng các công trình trên đó mà không phải trải qua thủ tục xin phép của chính phủ.

Kết quả là trong quãng thời gian từ 1994 - 1999, có 32.700 nhà máy, 663 tổ hợp và 104.800 đơn vị nhà xưởng được xây dựng ở những khu vực cận đô thị. Các công trình đó trải rộng trên một diện tích khoảng 404 km², tương đương với khoảng 1/3 diện tích thủ đô Xơ - un.

Theo những quy định liên quan đến xây dựng các dự án nhà ở, các công ty xây dựng buộc phải xây dựng các khu dịch vụ công cộng dựa trên số đơn vị m² nhà ở mới. Đối phó với vấn đề này, các công ty xây dựng thực hiện chiến lược

chia các dự án phát triển của họ thành những đơn vị quy mô nhỏ để giảm thiểu việc xây dựng các cơ sở dịch vụ công cộng. Vì vậy, đa số các dự án phát triển trên khu đất cận nông nghiệp phải chịu tình trạng thiếu cơ sở dịch vụ công cộng. Bên cạnh đó, việc xây dựng các tổ hợp nhà dân cư, và cái gọi là "khách sạn tình yêu" ở giữa cánh đồng lúa đã góp phần phá vỡ cảnh quan tự nhiên cũng như vành đai xanh và khu vực đất nông nghiệp. Điều này cũng làm ô nhiễm môi trường nước và triệt phá nguồn nước ngầm, gây trở ngại nguồn cung cấp nước cho những người sử dụng.

Như vậy, sự phát triển lộn xộn của các khu vực đất cận nông nghiệp dẫn đến những vấn đề xã hội nhức nhối mà chính phủ Hàn Quốc đã không chủ động giải quyết và mãi tới cuối năm 2000 do sức ép ngày càng lớn từ chính quyền các tỉnh và tập đoàn, hiệp hội, chính quyền Kim Dae Jung mới công bố những biện pháp cần thiết để ngăn chặn sự phát triển vô tổ chức tại các vùng đất cận nông nghiệp.

3. Phá bỏ khu vực vành đai xanh cũng được coi là một thủ phạm phá hoại môi trường.

Xây dựng khu vực vành đai xanh, nơi sự phát triển được giới hạn được coi là một trong những chính sách quan trọng do Chính phủ Hàn Quốc sử dụng quy định địa giới đô thị mà Việt Nam thường gọi là khu đệm. Xơ un là một thí dụ điển hình bởi một vành đai xanh bao quanh khu vực này. Đây được coi là "lá phổi" bảo vệ môi trường thủ đô và là địa giới xanh hạn chế sự mở rộng đô thị Xơ - un. Vành đai này chỉ tồn tại 27 năm kể từ 1971. Trong thời kỳ chính quyền Kim Dae Jung, khu vực vành đai xanh được điều chỉnh, mặc dù có sự phản đối mạnh mẽ từ các nhóm bảo vệ môi trường và chuyên gia môi trường. Việc xoá bỏ các khu đất thuộc những giới hạn vành đai xanh giúp xử lý những khó khăn về chỗ ở

⁽²⁾ Xem, Mun Sun trong Jeong Gyn - ho, 2003

mà cư dân khu vực này phải chịu đựng; ngoài ra nó giúp ổn định giá đất và thúc đẩy hoạt động kinh tế bằng cách gia tăng cung cấp các khu đất có thể phát triển, tuy nhiên nó xâm hại tới môi trường tại các đô thị.

Năm 1999, Bộ Xây dựng và Giao thông ban hành các thông tư hướng dẫn chi tiết cho việc điều chỉnh khu vực vành đai xanh cần xoá bỏ tại các khu định cư có hơn 10000 dân hoặc 3000 hộ gia đình. Tận dụng cơ hội này, chính quyền các khu vực liên tục công bố các kế hoạch phát triển của họ. Những chính sách như vậy bắt nguồn từ mục đích chính trị đã gây trở ngại cho chính sách sử dụng đất đai quốc gia của chính phủ nước này.

Một ví dụ khác về chính sách phát triển đất đai trọng cung gắn với những nỗ lực trong thập kỷ 1980 để hỗ trợ phát triển đô thị mới tuân theo Luật xúc tiến phát triển các khu định cư được ban hành nhằm ổn định giá nhà. Luật này cho phép người ta khai thác tối đa tất cả các khu đất có thể phát triển ở thủ đô Xơ - un. Các khu vực nông thôn xung quanh thủ đô được chuyển thành dự án nhà ở mới. Chính quyền Roh Mu Hieng đương nhiệm đã mở ra kỷ nguyên thu nhập bình quân đầu người 20.000 USD cho Hàn Quốc trong thập niên tới và tuyên bố thực thi chính sách nhà ở mới theo hướng cải thiện chỗ ở cho người dân. Chính phủ nước này dự kiến sẽ cung cấp 3 triệu đơn vị nhà ở mới cho cư dân ở khu vực thủ đô Xơ - un trong 10 năm tới. Điều này chắc chắn sẽ làm thu hẹp không gian xanh của Xơ - un và ảnh hưởng tới môi trường sinh thái ở khu vực thủ đô.

4. Những nhận xét chung.

Thực tế cho thấy, vấn đề môi trường của Hàn Quốc đã được đưa vào các văn bản pháp quy của nhà nước trong thập kỷ 1960, khi chính quyền Park Chung Hee khởi xướng bước phát triển dựa trên chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

đầu tiên. Người Hàn Quốc đã phải vượt qua nổi đau Chiến tranh Triều Tiên, và lúc bấy giờ đã chịu cảnh nghèo đói lan rộng và lạm phát tăng cao cùng nạn thất nghiệp nghiêm trọng, họ hoan nghênh những nỗ lực của chính phủ và háo hức khi tham gia bước khởi đầu này. Thể chế Park giành quyền lực thông qua một cuộc đảo chính, đã thực thi các biện pháp chính sách mang động lực chính trị nhằm đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Như vậy, vào giai đoạn đối đầu căng thẳng giữa Bắc Triều Tiên và Hàn Quốc, chính quyền Park Chung Hee theo đuổi chính sách phát triển kinh tế⁽³⁾ với một nỗ lực cao nhất nhằm xây dựng một quốc gia giàu mạnh.

Với chính sách phát triển này, một kế hoạch "bắt kịp" đã được thực hiện, hướng tới mục tiêu đạt được tốc độ phát triển. Theo đó chính phủ chỉ đạo việc cung cấp vốn và phương tiện sản xuất tập trung vào những lĩnh vực và khu vực chọn lọc nhằm hỗ trợ các mục tiêu tăng trưởng kinh tế của chính phủ bao gồm sự mở rộng xuất khẩu và cải thiện thu nhập bình quân đầu người. Đặc biệt, do nguồn tài nguyên hạn chế và những vấn đề liên quan đến xúc tiến các hoạt động sản xuất, chính phủ nước này theo đuổi một chiến lược phát triển dựa trên lý thuyết kinh tế học trọng thương mang động cơ chính trị và nhằm tới mục tiêu hiện thực hoá tăng trưởng kinh tế tối đa trong thời gian ngắn nhất có thể. Kết quả là, tiến trình công nghiệp hoá và đô thị hoá gia tăng mạnh mẽ ở Hàn Quốc dẫn đến huỷ hoại môi trường.

Thực tế cho thấy, sự tập trung sản xuất trong những khu công nghiệp dẫn đến thải ra quá mức chất gây ô nhiễm ở những vùng đó. Ngoài ra, mật độ dân cư gia tăng chưa từng thấy ở các khu vực thành phố làm phát sinh nhiều vấn đề

⁽³⁾ Xem, Jeong Gyn - ho, 2003

môi trường nhất là tích lũy rác và chất phế thải. Hơn nữa, sự mở rộng không được kiểm định của các khu vực đô thị đã dẫn đến suy giảm đáng kể đất nông nghiệp và vành đai xanh. Tiến trình đô thị hoá đã khuyến khích dân cư di chuyển từ khu vực nông thôn ra thành thị tạo ra "hiệu ứng rỗng" trong nhiều vùng nông thôn. Các trang trại đã sử dụng một khối lượng lớn phân bón và thuốc trừ sâu để thúc đẩy sản xuất, tất yếu phá huỷ hệ sinh thái nông nghiệp đặc biệt là suy thoái đất và ô nhiễm nước.

Tuy nhiên, chiến lược phát triển dựa vào lý thuyết kinh tế học trọng thương cũng góp phần vào việc "làm nghèo" môi trường bởi các khoản hỗ trợ tài chính của chính phủ cho những doanh nghiệp được chọn lọc, đó là các Jaebeol, những tập đoàn kinh doanh này tìm cách độc quyền thị trường trong nước, chống lại các nỗ lực thực thi những quy định môi trường, không đầu tư các phương tiện để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, và trốn tránh trách nhiệm bảo trì phương tiện sản xuất của họ. Hơn nữa, do quyền kiểm soát tuyệt đối quyền lực trong chính quyền, các kế hoạch phát triển kinh tế và các công cụ chính sách khởi đầu đã được sử dụng theo cách thức chuyên quyền thể hiện qua việc ban hành các đạo luật đặc biệt và thiếu những nghiên cứu có tính khả thi. Kết quả là làm mất cân đối giữa các khu vực, các lĩnh vực công nghiệp và khác biệt giữa các tầng lớp xã hội tăng lên, và phá huỷ hệ sinh thái.

Điều cần nhấn mạnh là sự phá huỷ hệ sinh thái đã tạo ra những thách thức hoàn toàn mới đối với môi trường. Kể từ năm 1990, các nhà sản xuất sử dụng những phương tiện không hiệu quả, nhất là trên khía cạnh tiêu dùng năng lượng và nguyên liệu thô. Điều này cho thấy họ không muốn và không đủ khả năng tài chính để đổi mới hệ thống trang thiết bị sản xuất. Và đây là một trong những thủ

phạm chính làm cho vấn đề môi trường trở nên nghiêm trọng hơn. Thêm vào đó sự du nhập nhanh chóng chủ nghĩa tiêu dùng phương Tây tiếp tục gây sức ép tới môi trường sinh thái và những nỗ lực để giải quyết những vấn đề này dường như bị chệch hướng. Tất cả những tác nhân đó đã và đang góp phần làm cho vấn đề môi trường và sinh thái ở Hàn Quốc trở nên trầm trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lee Pil - Ryul, *Environmentall Movement Needs Urgent Reform to Overcome cristis*, Korea Focus, Mar - Apr, 2005, Vol.13, No 2.
2. Milton, Kay (ed) 1993, *Environmentalism: The view from Anthropology*, London, Routledge.
3. CHUNG Chinh-Hong, 1992, *The Episteme and the Problem of Environment: Concerning the Protestant Medical Mission in Korea - Views of the Environment in Asian Countries - Their Relationship to Sustainable Development*, The United Nations University.
4. Cohen, Barri 1994. "Technological Colnialism and the Politics of Water." *Cultural Studies* 8 (1): 32-55. London: Routledge.
5. Routledge. Wittfogel, Karl August 1957. *Oriental Despotism: Acomparative Study of Total Power*, New Heaven: Yale Univ. Press.
